



# CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THỰC PHẨM SAO VIỆT

Địa chỉ: Tổ 6 P.Thạch Bàn, Q Long Biên, Hà Nội. — MST: 0101827452  
TEL: 0913,315,004 - 0466.828.728 - Email: thucphamsaoviet@gmail.com

## THỰC ĐƠN TRƯỜNG TIỂU HỌC THẠCH BÀN B THÁNG 10 NĂM 2024 -2025

Suất ăn 32.000 đã bao gồm VAT

Canh rau có thể thay đổi tùy tình hình thực tế

| THỰC ĐƠN HỌC SINH ( Tuần Từ 30/09 - 04/10) |           |                       |                      |                     |                       |                       |
|--------------------------------------------|-----------|-----------------------|----------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                            | Bữa ăn    | Thứ 2 ( 30/09- 30k)   | Thứ 3                | Thứ 4               | Thứ 5                 | Thứ 6                 |
| 1                                          | Món cơm   | Cơm trắng             | Cơm trắng            | Cơm trắng           | Cơm trắng             | Cơm trắng             |
| 2                                          | Món chính | Thịt kho tàu          | Bò hầm củ quả        | Cá rán giòn         | Thịt xay rang hành    | Gà KFC                |
| 3                                          | Món phụ   | Trứng trung           | Thịt đậu sốt cà chua | Giò rim             | Chả cá rim            | Khoai tây chiên bơ    |
| 4                                          | Món rau   | Giá xào cà rốt        | Su su cà rốt xào     | Bắp cải cà rốt xào  | Khoai tây xào         | Canh thịt nấu đậu non |
| 5                                          | Món canh  | Canh thịt nấu rau cải | Canh xương bí xanh   | Canh thịt nấu bí đỏ | Canh thịt nấu bắp cải |                       |
| 6                                          | Bữa phụ   | Sữa Kun cam           | Bánh tươi nhân cốm   | Sữa IQ Orion        | Bánh Chocopie         | Sữa Yakun             |



HIỆU TRƯỞNG  
*Nguyễn Thị Thu Hương*



GIÁM ĐỐC  
*Mai Thị Vân Anh*



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THỰC PHẨM SAO VIỆT

Địa chỉ: Tổ 6 P.Thạch Bàn, Q Long Biên, Hà Nội. --- MST: 0101827452

TEL: 0913,315,004 - 0466.828.728 - Email:thucphamsaoviet@gmail.com

SUẤT ĂN HỌC SINH BÁN TRÚ TIỂU HỌC THẠCH BÀN b NĂM HỌC 2024-2025

Suất ăn 30.000đ trên một học sinh đã bao gồm VAT

| Tuần | Đêm | Thứ 2 | 3 | 04-10-24 |
|------|-----|-------|---|----------|
|------|-----|-------|---|----------|

Ghi chú : Định lượng chỉ có tính chất tham khảo. Rau và canh có thể thay đổi

| Thứ   | Tên món               | Thực phẩm          | ĐL Số | Đơn Giá | Thành Tiền | Đl chín | Klo     | Phụ Phí      | Giá Trị | T Thuế | VAT   | Tổng Tiền |
|-------|-----------------------|--------------------|-------|---------|------------|---------|---------|--------------|---------|--------|-------|-----------|
| Thứ 2 | Cơm trắng             | Gạo tẻ thơm        | 0.11  | 21,000  | 2,310      | 0.22    | 440     | Khí đốt      | 1,200   | 27,387 | 3,000 | 30,387    |
|       | Thịt kho tàu          | Thịt lợn           | 0.06  | 135,000 | 8,100      | 0.042   | 119.4   | CNV          | 2,295   |        |       |           |
|       |                       | Đường              | 0.002 | 30,000  | 60         | 0.0014  | 0       | KH           | 500     |        |       |           |
|       |                       | Cốt dừa            | 0.002 | 40,000  | 80         | 0.0014  | 44      | Bảo hiểm     | 50      |        |       |           |
|       | Trứng trứng           | Trứng gà           | 0.5   | 3,600   | 1,800      | 0.35    | 47      | Lãi          | 1,295   |        |       |           |
|       | Già xào cà rốt        | Già đồ             | 0.05  | 25,000  | 1,250      | 0.035   | 5.2     | Nước tẩy/rửa | 50      |        |       |           |
|       |                       | Cà rốt             | 0.005 | 25,000  | 125        | 0.0035  | 17.4    | xe giao hàng | 247     |        |       |           |
|       | Canh thịt nấu rau cải | Thịt xay           | 0.002 | 135,000 | 270        | 0.0014  |         |              |         |        |       |           |
|       |                       | Bắp cải            | 0.02  | 25,000  | 500        | 0.014   |         |              |         |        |       |           |
|       |                       | cà chua            | 0.005 | 30,000  | 150        | 0.0035  |         |              |         |        |       |           |
|       | Sữa Kun cam           | Sữa Kun cam        | 1     | 5,000   | 5,000      | 1       |         |              |         |        |       |           |
|       |                       | Dầu ăn             | 0.017 | 65,000  | 1,105      |         |         |              |         |        |       |           |
|       |                       | Gia vị             |       |         | 1,000      |         |         |              |         |        |       |           |
|       | Tổng thứ Năm          |                    |       |         | 21,750     |         | 788.675 |              | 5,637   |        |       |           |
| Thứ   | Tên món               | Thực phẩm          | ĐL Số | Đơn Giá | Thành Tiền | Đl chín | Klo     | Phụ Phí      | Giá Trị | T Thuế | VAT   | Tổng Tiền |
| Thứ 3 | Cơm trắng             | Gạo tẻ thơm        | 0.11  | 21,000  | 2,310      | 0.22    | 440     | Khí đốt      | 1,200   | 26,112 | 3,200 | 29,312    |
|       | Bò hầm củ quả         | Thịt bò            | 0.025 | 180,000 | 4,500      | 0.02    | 156     | CNV          | 2,295   |        |       |           |
|       |                       | Khoai tây          | 0.03  | 25,000  | 750        | 0.024   | 99.6    | KH           | 500     |        |       |           |
|       |                       | Cà rốt             | 0.02  | 25,000  | 500        | 0.016   |         | Bảo hiểm     | 50      |        |       |           |
|       |                       | Cà ri bơ           | 0.001 | 100,000 | 100        | 0.0008  | 10.2    | Lãi          | 1,295   |        |       |           |
|       |                       | Đường - dăm - bột  | 0.003 | 50,000  | 150        | 0.0024  |         |              |         |        |       |           |
|       | Thịt đậu sốt cà chua  | Thịt lợn           | 0.005 | 135,000 | 675        | 0.004   |         | Nước tẩy/rửa | 50      |        |       |           |
|       |                       | Đậu phụ            | 0.055 | 30,000  | 1,650      | 0.044   | 5.2     | xe giao hàng | 247     |        |       |           |
|       |                       | Cà chua            | 0.01  | 30,000  | 300        | 0.008   | 19      |              |         |        |       |           |
|       | Su su cà rốt xào      | Su su              | 0.05  | 25,000  | 1,250      | 0.04    |         |              |         |        |       |           |
|       |                       | cà rốt             | 0.001 | 25,000  | 25         | 0.0008  |         |              |         |        |       |           |
|       | Canh xương bí xanh    | Xương              | 0.005 | 70,000  | 350        | 0.004   |         |              |         |        |       |           |
|       |                       | Bí xanh            | 0.03  | 25,000  | 750        | 0.024   |         |              |         |        |       |           |
|       |                       | Gừng               | 0.001 | 40,000  | 40         | 0.0008  |         |              |         |        |       |           |
|       | Bánh tươi nhân cốm    | Bánh tươi nhân cốm | 1     | 4,500   | 4,500      | 0.8     |         |              |         |        |       |           |
|       |                       | Dầu ăn             | 0.025 | 65,000  | 1,625      |         |         |              |         |        |       |           |
|       |                       | Gia vị             |       |         | 1,000      |         | 100     |              |         |        |       |           |
|       | Tổng thứ Sáu          |                    |       |         | 20,475     |         | 830     |              | 5,637   |        |       |           |
| Thứ   | Tên món               | Thực phẩm          | ĐL Số | Đơn Giá | Thành Tiền | Đl chín | Klo     | Phụ Phí      | Giá Trị | T Thuế | VAT   | Tổng Tiền |
|       | Cơm trắng             | Gạo tẻ thơm        | 0.11  | 21,000  | 2,310      | 0.22    | 79.2    | Khí đốt      | 1,200   |        |       |           |

|       |                       |                 |       |         |        |        |         |              |       |        |       |        |
|-------|-----------------------|-----------------|-------|---------|--------|--------|---------|--------------|-------|--------|-------|--------|
| Thứ 4 | Cá rán giòn           | Cá rô phi file  | 0.055 | 110,000 | 6,050  | 0.033  | 127.71  | CNV          | 2,295 | 28,207 | 3,200 | 31,407 |
|       |                       | Bột chiên giòn  | 0.01  | 55,000  | 550    | 0.006  | 6.18    | KH           | 500   |        |       |        |
|       | Giò rìm               | Giò lợn         | 0.02  | 135,000 | 2,700  | 0.012  | 3.6     | Bảo hiểm     | 50    |        |       |        |
|       | Bắp cải cà rốt xào    | Bắp cải         | 0.06  | 25,000  | 1,500  | 0.036  |         | Lãi          | 1,295 |        |       |        |
|       |                       | Cà rốt          | 0.005 | 25,000  | 125    | 0.003  | 44      | Nước tẩy/rửa | 50    |        |       |        |
|       |                       |                 |       |         | 0      | 0      | 0       | xe giao hàng | 247   |        |       |        |
|       | Canh thịt nàu bí đỏ   | Thịt xay        | 0.002 | 135,000 | 270    | 0.0018 | 1.26    |              |       |        |       |        |
|       |                       | Bí đỏ           | 0.03  | 25,000  | 750    | 0.027  |         |              |       |        |       |        |
|       |                       | Mùi tàu         | 0.001 | 40,000  | 40     | 0.0009 |         |              |       |        |       |        |
|       | Sữa IQ Orion          | Sữa IQ Orion    | 1     | 5,000   | 5,000  | 0.9    |         |              |       |        |       |        |
| Thứ 5 | Gia vị nàu            | Dầu ăn          | 0.035 | 65,000  | 2,275  |        | 100     |              |       | 28,617 | 3,200 | 31,817 |
|       |                       | Gia vị          |       |         | 1,000  |        |         |              |       |        |       |        |
|       | Thứ 4                 |                 |       |         | 22,570 |        | 778     |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 5                 |                 |       |         | 22,980 |        | 594.72  |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 6                 |                 |       |         | 26,301 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 7                 |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 8                 |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 9                 |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 10                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 11                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
| Thứ 6 | Cơm trắng             | Gạo tẻ thơm     | 0.11  | 21,000  | 2,310  | 0.22   | 389.4   | Khí đốt      | 1,200 | 31,938 | 3,200 | 35,138 |
|       | Thịt xay rang hành    | Thịt lợn        | 0.07  | 135,000 | 9,450  | 0.042  | 38.22   | CNV          | 2,295 |        |       |        |
|       | Chà cá rìm            | Chà cá          | 0.02  | 100,000 | 2,000  | 0.012  | 21.6    | KH           | 500   |        |       |        |
|       | Khoai tây xào         | Khoai tây       | 0.055 | 25,000  | 1,375  | 0.033  | 0       | Bảo hiểm     | 50    |        |       |        |
|       | Canh thịt nàu bắp cải | Thịt            | 0.002 | 135,000 | 270    | 0.0012 |         | Lãi          | 1,295 |        |       |        |
|       |                       | Bắp cải         | 0.025 | 25,000  | 625    | 0.015  | 44      | Nước tẩy/rửa | 50    |        |       |        |
|       |                       | Cà chua         | 0.005 | 30,000  | 150    | 0.003  | 1.5     | xe giao hàng | 247   |        |       |        |
|       | Bánh Chocopie         | Bánh Chocopie   | 1     | 4,500   | 4,500  |        |         |              |       |        |       |        |
|       | Gia vị nàu            | Dầu ăn          | 0.02  | 65,000  | 1,300  |        | 100     |              |       |        |       |        |
|       |                       | Gia vị          |       |         | 1,000  |        |         |              |       |        |       |        |
| Thứ 6 | Thứ 5                 |                 |       |         | 22,980 |        | 594.72  |              | 5,637 | 31,938 | 3,200 | 35,138 |
|       | Thứ 6                 |                 |       |         | 26,301 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 7                 |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 8                 |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 9                 |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 10                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 11                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 12                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 13                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 14                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
| Thứ 6 | Cơm trắng             | Gạo tẻ thơm     | 0.11  | 21,000  | 2,310  | 0.22   | 41.8    | Khí đốt      | 1,200 | 31,938 | 3,200 | 35,138 |
|       | Gà KFC                | Gà CN           | 0.123 | 87,000  | 10,701 | 0.0738 | 0       | CNV          | 2,295 |        |       |        |
|       |                       | Chiên giòn      | 0.01  | 55,000  | 550    | 0.006  | 13.8    | KH           | 500   |        |       |        |
|       |                       | Chiên xù        | 0.008 | 55,000  | 440    | 0.0048 | 12      | Bảo hiểm     | 50    |        |       |        |
|       |                       | Bột quicks      | 0.003 | 200,000 | 600    | 0.0018 |         | Lãi          | 1,295 |        |       |        |
|       |                       | Bột nghệ        | 0.001 | 100,000 | 100    | 0.0006 | 44      | Nước tẩy/rửa | 50    |        |       |        |
|       | Khoai tây chiên bơ    | Khoai tây       | 0.06  | 25,000  | 1,500  | 0.036  | 57.6    | xe giao hàng | 247   |        |       |        |
|       |                       | Bột chiên khoai | 0.002 | 100,000 | 200    | 0.0018 | 6.894   |              |       |        |       |        |
|       | Bơ                    |                 | 0.001 | 100,000 | 100    |        |         |              |       |        |       |        |
|       | Canh thịt nàu đậu non | Thịt xay        | 0.002 | 135,000 | 270    |        |         |              |       |        |       |        |
| Thứ 6 |                       | Cà chua         | 0.005 | 30,000  | 150    |        |         |              |       | 31,938 | 3,200 | 35,138 |
|       |                       | Hành lá         | 0.001 | 30,000  | 30     |        |         |              |       |        |       |        |
|       |                       | Đậu non         | 0.025 | 30,000  | 750    |        |         |              |       |        |       |        |
|       | Sữa Yakun             | Sữa Yakun       | 1     | 5,000   | 5,000  |        |         |              |       |        |       |        |
|       | Gia vị nàu            | Dầu ăn          | 0.04  | 65,000  | 2,600  |        | 100     |              |       |        |       |        |
|       |                       | Gia vị          |       |         | 1,000  |        |         |              |       |        |       |        |
|       | Thứ 5                 |                 |       |         | 22,980 |        | 594.72  |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 6                 |                 |       |         | 26,301 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 7                 |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 8                 |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
| Thứ 6 | Thứ 9                 |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 | 31,938 | 3,200 | 35,138 |
|       | Thứ 10                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 11                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 12                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 13                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 14                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 15                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 16                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 17                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 18                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
| Thứ 6 | Thứ 19                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 | 31,938 | 3,200 | 35,138 |
|       | Thứ 20                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 21                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 22                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 23                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 24                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 25                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 26                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 27                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |
|       | Thứ 28                |                 |       |         | 27,000 |        | 276.094 |              | 5,637 |        |       |        |

TRƯỜNG  
ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG  
THẠCH BÀN

HIỆU TRƯỞNG  
Nguyễn Thị Thu Hương

CÔNG TY  
CÓ PHÂN  
GIÁM ĐỐC  
Mai Thị Văn Anh

158,000 158,061

61